PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THÍCH ỨNG CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - LIÊN HỆ VỚI SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HÒA
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 29/3/2025. Sửa chữa xong 03/4/2025. Duyệt đăng 07/4/2025

Abstract

In the context of fundamental and comprehensive innovation in education and training in Vietnam, along with the trends of international integration and globalization, education and training have been given top priority in national development policies, especially in the field of Pedagogy. Improving the quality of education requires, first and foremost, the enhancement of teaching staff quality, particularly in ensuring the effective training of teachers at all levels to meet the demands of educational reform. The rapid and continuous changes in the educational environment increasingly demand strong adaptability from Teacher Education students during their training process.

Keywords: *Adaptability, teacher education students, digital transformation, education reform, Hai Duong University.*

1. Đặt vấn đề

Thích ứng là quá trình con người thay đổi nhận thức, thái độ và kĩ năng của bản thân để đáp ứng những yêu cầu mới của hoạt động [1] có ý nghĩa đối với hiệu quả công việc, làm tăng năng suất lao động, khi đó con người sẽ thích ứng tốt và có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường mới. Đây là một quá trình quan trọng trong cuộc sống và công việc của mỗi con người, là cách mà con người ta thích nghi với môi trường, với tình huống và với yêu cầu cụ thể trong bối cảnh mới. Năng lực thích ứng cuộc sống là khả năng vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thái độ, phẩm chất, năng lực chung để ứng xử và giải quyết một cách phù hợp và có hiệu quả những tình huống của cuộc sống. Trong quá trình học tập, làm việc, sự thích ứng là điều kiện cho việc hình thành hệ thống tri thức chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân [1]. Vì vậy, để mỗi cá nhân có khả năng, năng lực làm việc tốt trong mọi hoàn cảnh thì việc phát triển năng lực thích ứng là vô cùng cần thiết. Trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động và tốc độ phát triển công nghệ nhanh như hiện nay, việc nghiên cứu về năng lực thích ứng trong học tập của sinh viên (SV) nói chung, SV sư phạm (SVSP) nói riêng sẽ giúp cho các cơ quan quản lí, nhà trường, giảng viên có cái nhìn toàn diện về vấn đề này, từ đó đề xuất những giải pháp phát triển năng lực thích ứng cho SVSP, giúp nâng cao chất lượng hiệu quả học tập cũng như phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, khả năng sáng tạo, thích nghi trong công việc [2].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay

Chuyển đổi số (CĐS) là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. CĐS không phải đơn thuần thay đổi cách thực hiện công việc từ thủ công truyền thống (ghi chép trong sổ sách, họp trực tiếp,...) sang vận dụng công nghệ để giảm thiểu sức người. Trên thực tế, CĐS đóng vai trò thay đổi tư duy kinh doanh,

Email: nguyenthihoadhhd@gmail.com

phương thức điều hành, văn hóa tổ chức...Với sự phát triển không ngừng của khoa học - công nghệ, CĐS chính là xu hướng của xã hội nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Việc áp dụng công nghệ vào giáo dục có vai trò vô cùng to lớn, tạo nên nhiều bước ngoặt phát triển, mở ra nhiều phương thức giáo dục mới thông minh, hiệu quả hơn, đồng thời tiết kiệm chi phí cho người học. Đến nay, xu hướng CĐS trong giáo dục đã và đang tác động sâu sắc đến con người. Về bản chất, CĐS trong giáo dục là quá trình tích hợp công nghệ số và hệ thống thông tin vào lĩnh vực giáo dục để thay đổi phương pháp giảng dạy, quản lí giáo dục. Điều này bao gồm cải tiến phương pháp dạy học, sử dụng các thiết bị dạy học, kĩ thuật dạy học, dụng cụ hỗ trợ học tập, nâng cao trải nghiệm của người học. "Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định như sau: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lí, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Hiện tại, CĐS trong giáo dục được ứng dụng dưới 3 hình thức chính là: ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy: lớp học thông minh, lập trình… vào giảng dạy; ứng dụng công nghệ trong quản lí: công cụ vận hành, quản lí; ứng dụng công nghệ trong lớp học: công cụ giảng dạy, cơ sở vật chất.

Tuy nhiên, CĐS cũng đặt ra những yêu cầu và thách thức như: - *Yêu cầu*: + Có tư duy thích ứng với các thay đổi nhanh và chấp nhận thay đổi, từ thói quen đến các quy trình nghiệp vụ; + Có kiến thức cơ bản về sử dụng công nghệ ở cán bộ quản lý, giảng viên và người học; + Cải thiện hạ tầng công nghệ, thiết bị, phần mềm giảng dạy và học tập; - *Thách thức*: Khả năng và mức độ sẵn sàng cho quá trình CĐS, hiểu được ý nghĩa và giá trị cốt lõi của CĐS của lãnh đạo, giảng viên và người học và các bên có liên quan; Chi phí đầu tư cho CĐS cao so với hiệu quả ban đầu; Hạn chế về đường truyền, băng thông và các phần mềm, thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập. Bởi vậy, việc nghiên cứu để tìm ra giải pháp cho giáo dục nói chung, phát triển năng lực của SV trong bối cảnh CĐS là vô cùng quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học hiện nay.

2.2. Năng lực thích ứng

Thuật ngữ "thích ứng" (tiếng Anh: adaptation) đã được biết tới từ khá lâu và được một số nhà khoa học nghiên cứu, sử dụng. Các nhà tâm lí học Liên Xô trước đây như Vưgốtxki, Leonchiev và Andreeva cho rằng: thích ứng của con người là khả năng tâm lí giúp con người chủ động, tích cực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại do sự biến động của hoàn cảnh để làm chủ cuộc sống và hoạt động của mình, không thể đồng nhất thích ứng với thích nghi [2]. Khái niệm "thích ứng" thường bao gồm sự điều tiết (làm cho phù hợp - accommodation) và sự thích nghi (adaptation), rất giống với khái niệm thích nghi hay sử dụng trong sinh học trong ngữ cảnh tiến hóa. Các nhà sinh học sử dụng khái niệm "thích nghi" theo đúng nghĩa của các yêu cầu vật lí của môi trường. Còn các nhà tâm lí học sử dụng khái niệm "thích ứng" với các điều kiện đa dạng của các mối quan hệ xã hội hoặc liên nhân cách trong xã hội. Khái niệm "thích ứng" được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản được chia thành hai nhóm chính: 1) Đồng nhất khái niệm thích ứng với thích nghi; 2) Phân biệt hai khái niệm này. Các nghiên cứu chỉ ra rằng hai khái niệm này có điểm giao thoa nhưng không hoàn toàn đồng nhất [1].

"Thích ứng" là quá trình con người tích cực, chủ động thay đổi, điều chỉnh về mặt tâm lí để khắc phục những khó khăn của môi trường sống mới và hoạt động một cách có hiệu quả. Về những biểu hiện của năng lực thích ứng, các nhà nghiên cứu cũng đưa ra những ý kiến khá đa dạng [3] nhưng tựu chung lại có thể thấy người có khả năng thích ứng với sự thay đổi, thể hiện ở những điểm sau: 1) Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc đồng đội với tư cách là thành viên của một nhóm; 2) Có khả năng đảm nhận nhiều nhiệm vụ công việc hoặc tham gia nhiều dự án cùng một lúc; 3) Có khả năng nhận diện sự thay đổi của bối cảnh tác động đến mình và tổ chức; 4) Có tư duy đổi mới, biết đề xuất những giải pháp, cách thức khác nhau để hoàn tất công việc, biết cách vượt qua được thách thức của bối cảnh và của sự thay đổi một cách có hiệu quả nhất; 5) Chấp nhận những thay đổi và biết tận dụng những thay đổi đó để đem lại cơ hội phát triển; 6) Biết đón nhận những thông tin phản hồi và học hỏi từ những thiếu sót, lỗi lầm của mình; 7) Có khả năng xử lí các mối quan hệ (trong cuộc sống, trong hoạt

động nghề nghiệp...) một cách khoa học; 8) Có khả năng hóa giải các xung đột trong quá trình thực hiện sự thay đổi.

2.3. Biện pháp phát triển năng lực thích ứng cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số

2.3.1. Xây dựng khung năng lực số dành cho sinh viên sư phạm

"Năng lực số" là một khái niệm rộng được đưa vào các tài liệu chính sách, các nghiên cứu và ngày càng được chú trọng trong giáo dục đại học. Có nhiều khái niệm khác nhau về năng lực số. "Năng lực số" được định nghĩa là tập hợp kiến thức, kĩ năng và thái độ cần thiết khi sử dụng công nghệ số để tối ưu hóa hiệu quả cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Năng lực số không chỉ liên quan đến các kĩ năng số mà còn cả các khía cạnh xã hội và cảm xúc khi sử dụng các thiết bị kĩ thuật số và các công nghệ liên quan. Vì vậy, khung năng lực số được xây dựng sẽ làm cơ sở nền tảng để phát triển các khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực số cho SV trong thế kỉ XXI. Mục tiêu chính là giúp SV có được năng lực số cần thiết để sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số. Hiện nay, một số trường đã quan tâm và bắt đầu xây dựng khung năng lực số đặc trưng cho SV của trường mình. Ví dụ, Đại học Quốc gia Hà Nội đã đưa ra khung năng lực số cho SV, bao gồm: năng lực khai thác thông tin và dữ liệu, năng lực vận hành thiết bị và phần mềm, năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, năng lực an toàn và an sinh số, năng lực sáng tạo nội dung số, năng lực học tập và phát triển kĩ năng số, sử dụng năng lực số cho nghề nghiệp. Vì vậy, các trường sư phạm cần nghiên cứu, đề xuất khung năng lực số dành cho SVSP là việc làm vô cùng cần thiết. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường mà còn chuẩn bị cho SV thích ứng với môi trường làm việc số hóa sau khi tốt nghiệp.

2.3.2. Bổ sung các học phần, nội dung về công nghệ nhằm nâng cao kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học tập và giảng dạy cho sinh viên sư phạm

Hiện nay, với sự phát triển không ngừng của công nghệ, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập đang ngày càng trở nên phổ biến, đòi hỏi cả người dạy và người học cần có kiến thức, kĩ năng để sử dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất. SV nói chung và SV các ngành Sư phạm nói riêng là đối tượng người học ở trình độ cao, nguồn nhân lực tương lai của đất nước. Hơn nữa, SVSP sau này sẽ trở thành thế hệ GV tương lai, thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục hiện nay. Do vậy, ngay từ khi còn trên giảng đường đại học, để có kiến thức, kĩ năng tốt, đáp ứng những yêu cầu đặt ra, SV cần được trang bị các kiến thức, kĩ năng về công nghệ thông qua các học phần phù hợp trong chương trình đào tạo. Trong bối cảnh CĐS đang diễn ra mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, ngành nghề, các trường sư phạm đã có những bước cải tiến, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho SVSP như xây dựng các học phần về sử dụng công nghệ trong giảng dạy (Học phần "Nhập môn Công nghệ giáo dục", Học phần "Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục" tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội) để SV sau khi ra trường có thể áp dụng ngay và không ngừng học hỏi, cập nhật những ứng dụng tiên tiến, hiện đại nhất trong giáo dục. Điều này đòi hỏi các nhà quản lí, giảng viên trong quá trình giảng dạy không chỉ trang bị, hình thành kiến thức, kĩ năng cho SV mà còn hình thành ý thức không ngừng học hỏi, cập nhật những công nghệ mới, linh hoạt trong tiếp cận công nghệ để SV luôn chủ động học hỏi, nâng cao, thích nghi được trong các bối cảnh mới.

2.3.3. Tăng cường hoạt động *thực hành, trải nghiệm, các khóa học kĩ năng*

Với mục tiêu phát triển năng lực thích ứng để SV có thể chủ động đón nhận cái mới, chủ động thay đổi để thích nghi với cái mới thì việc tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm trong chương trình đào tạo là vô cùng cần thiết. Hiện nay, tại các trường sư phạm trên toàn quốc, SV đều có các học phần kiến tập, thực tập tại trường phổ thông. Chẳng hạn, tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, chương trình đào tạo của SVSP luôn có số giờ tín chỉ ưu tiên cho các hoạt động thực hành, rèn nghề, tham gia hoạt động trải nghiệm tại các môi trường, địa phương khác nhau. Điểm đặc biệt tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội là hoạt động thực tập rèn nghề của SVSP được thực hiện rất sớm, từ những học kì đầu của năm thứ hai đến hết học kì 8 trong chương trình đào tạo.

SV sẽ được học tập, thực hành ở các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn TP. Hà Nội, bao gồm cả các trường công lập và các trường phổ thông dân lập, quốc tế nhằm đảm bảo môi trường thực hành đa dạng, thời gian thực hành, kiến tập, thực tập đa dạng trong các giai đoạn khác nhau của năm học. Điều này giúp SV những trải nghiệm, kinh nghiệm đáng quý, khả năng thích ứng tốt trong các môi trường làm việc đa dạng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Bên cạnh đó, với mục tiêu trang bị cho SV kiến thức liên quan đến lịch sử, văn hóa của nhiều địa phương; có sự liên hệ giữa lí thuyết và thực tiễn, nắm chắc, nâng cao và hiểu sâu sắc hơn về những kiến thức đã được học trên giảng đường đại học; tạo cơ hội cho SV giao lưu, học hỏi lẫn nhau, nhà trường đã tổ chức các đợt tham quan, học tập trải nghiệm cho SV các ngành như Sư phạm tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lí... đi học tập, trải nghiệm tại địa phương như Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng. Đây là những hoạt động rất thiết thực, bổ ích bởi qua những hoạt động này, SV không chỉ được bổ sung, nâng cao kiến thức về văn hóa, lịch sử dân tộc mà còn là cơ hội cho SV có những trải nghiệm thực tế, làm việc nhóm, ứng xử trong tập thể, linh hoạt trong mọi hoàn cảnh. Từ đó, giúp SV có tư duy đổi mới, khả năng độc lập, nhạy bén trong việc xử lí các tình huống thực tế khác nhau.

2.3.4. Tổ chức hoạt động *nghiên cứu khoa học, mô hình câu lạc bộ các cấp*

Bước chân vào ngưỡng cửa đại học với môi trường mới, phương pháp học tập mới... SV hầu hết đều cảm thấy bỡ ngỡ, lạ lẫm, chưa thích nghi được với môi trường học tập mới, dẫn đến có những SV thành tích học tập sa sút, thậm chí vướng vào các tệ nạn xã hội, Thực trạng này không phải là hiếm gặp, do đó rất cần có những mô hình hỗ trợ SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất. Ở các trường đại học hiện nay, bộ phận công tác SV, các tổ chức như Đoàn Thanh niên, Hội SV đã tổ chức khá nhiều hoạt động, mô hình câu lạc bộ hỗ trợ SV rất đa dạng như câu lạc bộ thanh niên tình nguyện, câu lạc bộ khoa học, câu lạc bộ nghệ thuật... Ngoài ra các hoạt động như tọa đàm, seminar, hội nghị... tập huấn, hướng dẫn cho SV từ cách đăng kí học phần, NCKH, nâng cao năng lực ngoại ngữ... cũng là những hình thức hỗ trợ, tổ chức, quản lí SV rất hiệu quả mà các nhà trường nên thực hiện. Điều này không chỉ giúp SV có cơ hội giao lưu, học hỏi lẫn nhau mà còn là môi trường để SV tăng cường trải nghiệm, khẳng định bản thân cũng như vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thái độ, phẩm chất, năng lực chung để ứng xử và giải quyết một cách phù hợp, có hiệu quả những tình huống của cuộc sống, trong những môi trường trải khác nhau, giúp SV từng bước phát triển năng lực thích ứng, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh thực tiễn và của người GV trong tương lai.

2.4. Phát triển năng lực thích ứng cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương

Hiện nay, với nhu cầu ngày càng cấp thiết đối với đội ngũ nhà giáo chất lượng cao có trình độ, chuyên môn vững chắc và kỹ năng nghề nghiệp, Trường Đại học Hải Dương chú trọng đào tạo kiến thức gắn liền với thực hành cho SV khối ngành Sư phạm với nhiều giải pháp đồng bộ và toàn diện. Đặc biệt với hệ thống trường thực hành sư phạm chất lượng cao các cấp học, nhà trường đặt ra mục tiêu gắn việc đào tạo SVSP với nâng cao chất lượng các trường thực hành sư phạm tại Trường Đại học Hải Dương. Để thực hiện tốt mục tiêu đó, hàng năm các khoa đào tạo sư phạm thường xuyên xây dựng các kế hoạch thực hành nghề nghiệp, thực tập sư phạm cho SV các ngành Sư phạm Toán, Văn, Anh, Sử, Địa và các ngành Sư phạm Tiểu học, Mầm non… Trường THCS Chu Văn An là Trường Thực hành sư phạm với quy mô HS lớn, những năm qua, được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Hải Dương, nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với các khoa đào tạo sư phạm tổ chức cho các giáo sinh về thực tập và hỗ trợ HS ôn tập kiến thức. Đặc biệt, từ ngày 17/02/2025, hơn 300 SV xuất sắc của Khoa Sư phạm Ngữ văn và Khoa học xã hội, Khoa Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên, Khoa Ngoại ngữ đã được phân công, sắp xếp về thực tập và đồng hành cùng HS Trường THCS Chu Văn An trong các nhiệm vụ học tập như: Kèm cặp, bổ trợ kiến thức và hướng dẫn ôn tập sau mỗi buổi học trên lớp theo sự phân công hướng dẫn, giao nhiệm vụ của các thầy cô giáo. Mô hình này ngay từ những ngày đầu đã phát huy hiệu quả, khơi dậy phong trào học tập rộng khắp cho HS toàn trường, đồng thời giúp các giáo sinh trau dồi năng lực và các biện pháp sư phạm trong dạy học và xử lý tình huống với HS. Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục duy trì mô hình học tập và đào tạo này, góp phần đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề và nâng cao chất lượng HS trong các trường thực hành sư phạm.

NCKH là một trong những hoạt động quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Tại Trường Đại học Hải Dương, hoạt động này luôn được chú trọng, đặc biệt những năm gần đây, Khoa GDMN đã không ngừng đẩy mạnh phong trào NCKH trong SV, khơi dậy niềm đam mê khám phá, sáng tạo, gắn lý thuyết với thực tiễn giảng dạy và giáo dục trẻ mầm non. Trong năm học 2024-2025, SV Khoa GDMN đã tích cực tham gia và triển khai nhiều đề tài NCKH có tính ứng dụng cao. Tiêu biểu có ba nhóm SV với các đề tài phong phú, thiết thực, thể hiện tư duy đổi mới và tinh thần học hỏi nghiêm túc:

Khơi dậy giá trị văn hóa truyền thống qua trò chơi dân gian: Nhóm các SV K45B hệ cao đẳng mầm non triển khai đề tài "Hướng dẫn tổ chức trò chơi dân gian theo hướng trải nghiệm cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non". Đề tài tập trung vào việc phát huy giá trị giáo dục của trò chơi dân gian - một di sản văn hóa quý báu của dân tộc trong việc hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ mầm non. Thông qua hình thức tổ chức theo hướng trải nghiệm, trẻ không chỉ được vui chơi mà còn được hòa mình vào không gian văn hóa truyền thống, rèn luyện kỹ năng vận động, kỹ năng giao tiếp và tinh thần đoàn kết. Đề tài hướng đến việc xây dựng quy trình tổ chức trò chơi dân gian phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ 5-6 tuổi, đồng thời tạo môi trường học tập sinh động, giàu bản sắc tại các cơ sở GDMN.

Ứng dụng công nghệ AI trong giáo dục an toàn giao thông cho trẻ: Với sự tham gia của SV lớp K45A, hệ cao đẳng mầm non, thực hiện đề tài "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổ chức các hoạt động giáo dục an toàn giao thông cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non". Đây là đề tài mang tính hiện đại, kết hợp giữa công nghệ và GDMN, phù hợp với xu thế CĐS trong ngành Giáo dục. Nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu và thử nghiệm việc ứng dụng một số công cụ AI như chatbot tương tác, trò chơi trực tuyến tích hợp hình ảnh, âm thanh và các ứng dụng nhận diện hình ảnh nhằm xây dựng các hoạt động học tập sinh động, trực quan, giúp trẻ dễ tiếp cận và ghi nhớ kiến thức về an toàn giao thông một cách tự nhiên, hiệu quả. Đề tài không chỉ thể hiện khả năng sáng tạo của SV mà còn mở ra hướng tiếp cận mới cho GDMN trong thời đại công nghệ.

Rèn luyện kỹ năng hợp tác cho trẻ thông qua trò chơi vận động: Nhóm các SV K46C hệ cao đẳng mầm non vừa học vừa làm thực hiện đề tài: "Rèn luyện kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi vận động". Trong bối cảnh đổi mới Chương trình GDMN theo hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho trẻ, kỹ năng hợp tác được xem là một trong những kỹ năng mềm quan trọng cần được hình thành từ sớm. Nhóm SV đã tiến hành khảo sát, xây dựng hệ thống trò chơi vận động mang tính nhóm, đồng thời đề xuất cách thức tổ chức trò chơi nhằm khuyến khích trẻ phối hợp, chia sẻ nhiệm vụ và hỗ trợ nhau trong quá trình chơi. Kết quả bước đầu cho thấy trẻ có sự tiến bộ rõ rệt về khả năng tương tác, chia sẻ và làm việc nhóm sau khi tham gia các hoạt động này. Các đề tài nghiên cứu của SV không chỉ được xây dựng công phu, bám sát thực tiễn GDMN mà còn cho thấy tinh thần cầu thị, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành. Dưới sự hướng dẫn tận tình của GV, mỗi nhóm nghiên cứu đều được định hướng rõ ràng về mục tiêu, phương pháp và sản phẩm đầu ra. TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Trưởng Khoa GDMN cho biết: "Chúng tôi luôn khuyến khích SV tham gia NCKH ngay từ những năm đầu tiên. Đây là cơ hội để các em rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - những năng lực quan trọng đối với người GV mầm non trong bối cảnh giáo dục đổi mới và hội nhập." Sự năng động, sáng tạo của SV Khoa GDMN trong hoạt động NCKH không chỉ góp phần làm phong phú thêm đời sống học thuật trong nhà trường mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nghề nghiệp tương lai của các em - những GV mầm non đầy tâm huyết, trách nhiệm và thích ứng với sự thay đổi của xã hội hiện đại.

3. Kết luận

Cùng với xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, giáo dục và đào tạo của Việt Nam đã được ưu tiên ở vị trí hàng đầu trong hệ thống các chính sách phát triển quốc gia, đặc biệt đối với ngành Sư phạm. Thực tiễn của nền giáo dục nước ta hiện nay đã và đang đặt "lên vai" ngành Sư phạm những nhiệm vụ

cao quý, những trọng trách nặng nề. Hệ thống các trường sư phạm và các trường có ngành Sư phạm là nơi đào tạo GV, những người sẽ quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo trong tương lai. Vì thế, để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại, mỗi SVSP phải được rèn luyện trong một quy trình giáo dục hiệu quả, hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng khâu giúp SV thích ứng. Đào tạo GV trong bối cảnh CĐS là vấn đề nhiều nhà quản lí, nhà giáo dục, người nghiên cứu quan tâm bởi nó quyết định tới chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai. Vì vậy, đào tạo GV theo định hướng nghiên cứu và định hướng thực hành đang là mục tiêu của nhiều quốc gia. Việc tăng cường các hoạt động đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng GV là rất cần thiết để trang bị cho SVSP cũng là những GV tương lai kiến thức, kĩ năng cần thiết nhằm phát triển năng lực thích ứng, giúp SV có tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng những yêu cầu đặt ra hiện nay cũng như trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Quốc Thái (2020), *Cơ sở lí luận về thích ứng với hoạt* động *học tập của lưu học sinh*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Tây Bắc, số 17, tr. 103-111.

[2] Nguyễn Thị Kim Dung, Đỗ Thị Thuận (2017), *Tiêu chí đánh giá thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp*, Tạp chí Khoa học, *Đại* học Huế, số 62, tr. 200-206.

[3] Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2017), *Phát triển năng lực thích ứng cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong bối cảnh mới*, Tạp chí Khoa học, Trường *Đại* học *Đồng* Tháp, số 29, tr. 30-36.

[4] Nguyễn Thị Bảy (2019), *Một số biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr. 30-36.

[5] Nguyễn Thanh Liêm (2024), *Nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, tập 2 số 323, tr. 263-265.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN...

Tiếp theo trang 54

3. Kết luận

Mỗi phương pháp dạy học đều có những ưu nhược điểm riêng, giảng viên sẽ sử dụng linh hoạt và khéo léo tùy theo nội dung, điều kiện dạy học và đặc điểm của người học. Bài viết đã hệ thống cơ sở lý luận về phương pháp dạy học, từ đó tập trung phân tích các phương pháp dạy học nhằm đạt CĐR của học phần marketing căn bản, các phương pháp dạy học bao gồm: thuyết giảng - vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tình huống, tự học…Ở mỗi phương pháp dạy học, bài viết cũng nêu ra cách thức thực hiện, lưu ý và phương pháp đánh giá. Trong quá trình dạy học, người dạy có thể kết hợp các phương pháp dạy học với nhau và linh động thay đổi nhằm đạt mục tiêu dạy học và giúp người học đạt được CĐR của học phần góp phần hoàn thành CĐR của CTĐT, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*, hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/6/2021.

[2] Biggs J. (2003), *Teaching for Quality Learning At University, 2nd ed*., The Society for Research into Higher Education and Open University Press, Berkshire, England.

[3] Đoàn Thị Minh Trinh, Nguyễn Hội Nghĩa (2014), *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[4] Đặng Xuân Hải (2013), *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, NXB Bách khoa, Hà Nội.

[5] Hoàng Thị Hương (2018), *Nâng cao chất lượng xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở một số cơ sở giáo dục đại học nước ta*,Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 5.

[6] Phan Trọng Ngọ (2015), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[7] Robert J. Marzano, Debra J. Pickering & Jane E. Pollock (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[8] Trần Khánh Đức (2013), *Lý luận và phương pháp dạy học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[9] Trần Thị Hương, Nguyễn Đức Danh (2017), *Tổ chức hoạt động dạy học đại học*, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.